

VẤN ĐỀ “TOÀN VẬN LÃNH THỔ” CỦA LIÊN BANG MALAYSIA GIAI ĐOẠN SAU ĐỘC LẬP (1957-1963)

PHAN VĂN RÂN*
TRINH THỊ HOA**

Trải qua quá trình đấu tranh chống ách thống trị của thực dân Anh, ngày 31-8-1957, Liên bang Malaya (1) tuyên bố thành lập quốc gia độc lập. Nhà nước độc lập mới vẫn giữ nguyên tên cũ là Liên bang Malaya với 11 bang (2). Các thành viên của Liên bang vẫn duy trì tính độc lập tương đối của mình. Một số bang còn lại là Singapore, Sarawak, Sabah và Brunei vẫn còn nằm dưới sự kiểm soát của thực dân Anh. Do đó, cuộc đấu tranh củng cố độc lập dân tộc của Liên bang Malaya sau độc lập vẫn phải tiếp tục với những nhiệm vụ vô cùng phức tạp, trong đó “vấn đề toàn vận lãnh thổ” nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ Liên bang là một nội dung được chính quyền Malaya đặc biệt quan tâm.

Ý tưởng liên kết các vùng đất trên thành một tổ chức hành chính thống nhất vốn đã từng được người Anh đề cập năm 1887. Thời điểm đó, người Anh đặt ra vấn đề hợp nhất các bang này “là nhằm bảo vệ lợi ích của người Anh ở vùng Viễn Đông chứ không phải đáp ứng khát vọng của các

chính quyền tự trị tại đây” (3). Tuy nhiên, do những cản trở từ một số bang và sự can thiệp từ phía nhà nước Xiêm (Thái Lan) lúc đó dẫn đến tuyên bố thành lập Liên bang Malaya ngày 1-7-1896 đã không bao gồm tất cả “miền đất của người Melayu”. Sau khi Malaya giành độc lập năm 1957, vấn đề này được đề cập lại trở lại. Dưới góc độ văn hóa, nó là nhu cầu tự thân của những cư dân thuộc “miền đất của người Melayu”. Dưới góc độ chính trị - xã hội, đây là nội dung nóng bỏng trong các chương trình nghị sự của chính quyền Malaya. Người khởi xướng ý tưởng này là Thủ tướng Tunku Abdul Rahman. Ông đã xây dựng nên “Kế hoạch Đại Malaysia” với chương trình sáp nhập các bang còn lại trong hệ thống thuộc địa Anh ở quần đảo Mã lai thành một tổ chức hành chính thống nhất - “Liên bang Malaysia”.

Về sáp nhập Sabah và Sarawak vào Liên bang Malaysia

Đối với Sabah và Sarawak, hợp tác giữa chính quyền Malaya với hai bang này đã

* PGS. TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

** NCS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

được thiết lập sau khi Malaya tuyên bố độc lập năm 1957. Các cuộc tiếp xúc, đàm phán thương mại tự do giữa hai phía đã được tiến hành. Tuy nhiên, chính quyền Malaya nhận thấy rằng, "những hiệu quả tích cực trong thời điểm này rất hạn chế bởi Bắc Borneo như một hiệp hội khép kín chịu "ảnh hưởng" và đang có nguy cơ bị các nước láng giềng chinh phục" (4). Cơ sở để Thủ tướng Tunku Abdul Rahman đưa ra "Kế hoạch Đại Malaysia", đó là ông đã rất tin tưởng vào mối quan hệ tự nhiên giữa các vùng lãnh thổ Borneo và Malaya từ trước đến nay. Ông hy vọng đây sẽ là điều kiện thuận lợi về mặt địa lý, nhân chủng để việc sáp nhập thành công. Hơn nữa, việc sáp nhập sẽ khắc phục được tình trạng mất cân đối về nhân chủng trong Liên bang khi người Hoa đang chiếm số đông ở Singapore. Ông tin rằng, khi thống nhất được cơ cấu tổ chức Liên bang, thì "Liên bang Malaysia sẽ đem đến một tương lai tốt nhất cho các vùng lãnh thổ Borneo" (5).

Tháng 5-1961, Thủ tướng Tunku Abdul Rahman công bố kế hoạch "Đại Malaysia". Tuyên bố của ông đã làm khuấy động không khí chính trị các vùng lãnh thổ Bắc Borneo. Các đảng, nhóm chính trị tại đây đã bàn thảo rất sôi nổi có nên sáp nhập vào Liên bang Malaysia hay không. Họ rất quan tâm đến tương lai của Bắc Borneo khi gia nhập Liên bang. Tháng 6 năm 1961, đại diện của bang Sarawak, Sabah (thuộc Bắc Borneo) đã tham dự hội nghị cùng đại diện của chính quyền Malaya và Singapore, để bàn về vấn đề thành lập Liên bang mới. Trên thực tế, hai vùng đất Sabah và Sarawak vốn đã bị Nhật tàn phá nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ Hai. Do đó, nhu cầu bức thiết của cả hai bang là khôi phục phát triển nền kinh tế. Vào thời điểm này, Sabah và Sarawak không có nhiều đảng phái chính trị hay có sự hiện

diện một hệ thống nhà nước do dân bầu cử. Trái lại, nơi đây vẫn nằm dưới một bộ máy cai trị gia trưởng và độc tài của Công ty Bắc Borneo. Việc bầu cử ở đây mới chỉ dừng lại ở mức độ hình thức. Giới cầm quyền ở các bang này đây vẫn còn nghi ngại về vấn đề sáp nhập. Nếu như Thống đốc Bắc Borneo nghi ngại về một viễn cảnh khi các bang này sáp nhập vào Liên bang Malaysia: đó là sự tụt hậu so với Singapore và nền chính trị Liên bang, thì ở Sabah, nhiều người lại lo ngại về "Đại Malaysia thống nhất đang che giấu một kế hoạch tiếp quản của người Melayu". Họ cho rằng, "để tham gia Malaya, trong khi chúng ta vẫn còn là thuộc địa, điều này chỉ có nghĩa là chúng ta không còn là thuộc địa của Anh và trở thành thuộc địa của Mã Lai..." (6) và như vậy họ sẽ bị mất đi những quyền lợi vốn có của mình khi gia nhập Liên bang; "họ sẽ phải chấp nhận chịu thiệt thòi về lợi ích và bị nằm dưới quyền kiểm soát của Kuala Lumpur" (7). Do đó, "họ chưa thực sự sẵn sàng cho một sáng kiến chính trị lớn" (8) là thay thế chế độ cai trị thuộc địa của người Anh bằng chế độ của Nhà nước Malaysia.

Bên cạnh sự phản đối của người dân ở Sabah và Sarawak, chính quyền Malaya cũng không phải dễ dàng thoả thuận được với người Anh về vấn đề này. Người Anh coi đây là mục tiêu dài hạn của chính quyền Malaya. Họ chưa muốn rời bỏ các lợi ích thuộc địa vốn đã được thiết lập từ trước. Các Thống đốc người Anh ở đây đều cho rằng, các vùng lãnh thổ Borneo cần thiết lập quan hệ chặt chẽ với người Anh hơn, trước khi họ gia nhập Liên bang. Chính quyền Anh lo ngại việc buộc phải trao trả độc lập cho hai bang này đồng nghĩa với việc họ phải ra đi khỏi đây, khi đó "cả hai vùng Bắc Borneo và Sarawak sẽ khó duy trì trạng thái yên ổn của riêng mình mà

thay vào đó là một không khí chính trị mới sẽ tạo cơ hội cho các thế lực mới can thiệp" (9). Do đó, trong quá trình đàm phán với phía chính quyền Malaya, các thành viên Anh đề nghị: "giai đoạn chuyển tiếp tối thiểu là 3 năm hoặc tối đa là 7 năm kể từ ngày thành lập Liên bang mới... Giai đoạn chuyển tiếp này được khuyến cáo như là cách để đạt được một thỏa thuận chung đối với đại diện giữa chính phủ Liên bang và chính phủ tiểu bang" (10).

Đối với chính quyền Malaya, Thủ tướng Tunku Abdul Rahman nhận thấy đây là thời điểm cần có sự quyết tâm đối với mục tiêu "toàn vẹn lãnh thổ". Bởi lẽ, việc sáp nhập các vùng này sẽ là cơ sở đảm bảo cho chương trình sáp nhập Singapore sau đó được thành công: "không có vùng lãnh thổ Borneo, tôi sẽ khó thấy có thể hình dung được sự hội nhập của Singapore và Liên bang, hoặc thuyết phục các đồng nghiệp chính trị của tôi và đất nước chấp nhận điều này" (11). Hơn nữa, với Ông, nguy cơ một "Singapore cộng sản" cũng như áp lực từ vấn đề nhân chủng trong Liên bang sẽ đe dọa đến quyền lực của chính quyền Malaya. Vì vậy, trong quá trình đàm phán với người Anh, ông đã cương quyết "không đồng tình với thời gian quá dài của quá trình chuyển đổi và duy trì hiện trạng của các bang"; "Sarawak và Bắc Borneo nên thừa nhận là quốc gia trong Liên bang càng sớm càng tốt trong vòng 12 tháng tới" (12).

Trước quan điểm cứng rắn và quyết tâm của Thủ tướng Tunku Abdul Rahman, người Anh cũng nhận thấy rằng: "nếu không thể sáp nhập các vùng lãnh thổ vào Liên bang, thì việc sáp nhập Singapore coi như không thành. Không sáp nhập, chính quyền Singapore sẽ không trụ vững, điều này dẫn đến hậu quả người Anh mất sẽ mất quyền sử dụng các cơ sở vốn đã được thiết lập từ trước. Đây sẽ là một kịch bản

tối tệ đối với người Anh" (13). Đứng trước hai lựa chọn, hoặc ủng hộ chính quyền các bang Sabah và Sarawak và kéo dài thời gian trao trả độc lập, trì hoãn việc thành lập Liên bang Malaysia; hoặc để mất Singapore, thì người Anh đã lựa chọn giải pháp thứ nhất có lợi nhất cho họ. Ngày 24-7-1961, Hội nghị "Khôi Thịnh vượng chung" được triệu tập ở Singapore cùng các đại diện của Sarawak, Sabah, Brunei và Malaya. "Khôi Thịnh vượng chung" đã bày tỏ sự ủng hộ kế hoạch "Đại Malaysia" và ra Thông cáo nhận định: "sự cần thiết và không thể tránh khỏi của các tiểu bang trong sự thống nhất của Liên bang Malaysia" (14). Người đứng đầu Bắc Borneo đã đồng tình rằng: "Malaysia cần được tạo nên bởi tất cả các thành viên, đều có liên quan như là một hiệp hội của các đối tác, kết hợp vì lợi ích chung để tạo ra một quốc gia mới, nhưng phải giữ lại những quyền lợi riêng của họ" (15). Bản thân chính quyền Bắc Borneo cũng đã ký kết với chính quyền Malaya một văn bản có tên là "Sabah - Biên bản ghi nhớ 20 điểm" (16), trong đó đề cập tới những vấn đề cơ bản liên quan đến sự ổn định chính trị lâu dài của Liên bang Malaysia đó là: người đứng đầu nhà nước, tình trạng của Hồi giáo, ngôn ngữ, quyền công dân và di cư, dịch vụ dân sự và tài chính, kinh tế... với mong muốn đảm bảo ổn định mối quan hệ giữa Liên bang và tiểu bang. Về phía Malaya, chính phủ Liên bang cam kết sau khi sáp nhập sẽ thực hiện các điều kiện trên, đồng thời chính quyền Liên bang phải có trách nhiệm trợ cấp cho sự phát triển kinh tế của Sabah và Sarawak cũng như phải có biện pháp kiểm soát việc nhập cư, đặc biệt là người Hoa vào các vùng đất trên.

Tháng 8 năm 1962, Ủy ban thăm dò dư luận ở Bắc Borneo (gồm đại diện chính

quyền Anh và Malaya) đã đưa ra kết quả: "khoảng 1/3 dân số trong cả hai vùng lãnh thổ Bắc Borneo và Sarawak đã nhanh chóng ủng hộ việc sáp nhập Liên bang Malaysia mà không quan tâm quá nhiều về các điều khoản và điều kiện. 1/3 số dân khác cũng ủng hộ dự án Malaysia và yêu cầu các điều kiện và biện pháp bảo vệ lợi ích vốn có của họ với mức độ khác nhau ... Số còn lại bị phân tán giữa những người đòi quyền độc lập trước khi sáp nhập vào Malaysia và những người ủng hộ việc tiếp tục thực hiện các luật lệ của chính quyền Anh trong một số năm tới... Vẫn còn một số nhà hoạt động chính trị phản đối việc gia nhập vào Malaysia với bất kỳ điều kiện nào, trừ khi được độc lập và thành lập được chính quyền tự trị. Số người có quan điểm này lên đến gần 20% dân số của Sarawak và một phần ở Bắc Borneo" (17). Như vậy có khoảng 80% cử tri ở đây đã sẵn sàng gia nhập Liên bang với điều kiện: họ vẫn được quyền sử dụng ngôn ngữ và tôn giáo của mình, có người đứng đầu Nhà nước riêng và có quyền thực hiện chính sách nhập cư; Sabah sẽ có 16 ghế và Sarawak có 24 ghế trong Quốc Hội Liên bang; Dân bản địa được hưởng đặc quyền như người Melayu theo Hiến pháp 1957.

Sau khi các bên đã đạt được thỏa thuận chung, cả Malaya và Sabah, Sarawak đều tích cực chuẩn bị cho việc thành lập Liên bang Malaysia, dự định vào ngày 31-8-1963. Việc sáp nhập này như là bước cần thiết để tăng cường vị thế chính trị của chính phủ Liên bang trước khi tiến hành sáp nhập cả Singapore vào Liên bang.

Về sáp nhập bang Singapore vào Liên bang Malaysia

Vào thời điểm sau độc lập, chính quyền Malaya nhận thấy rằng, những diễn biến an ninh - chính trị phức tạp ở Singapore

đang trực tiếp đe dọa tới vị trí lãnh đạo của chính quyền Malaya. Ngoài việc cô lập và triệt tiêu Đảng Cộng sản ở Malaya, chính quyền Malaya còn phải đối diện với khả năng lực lượng cộng sản đang giành quyền kiểm soát ở Singapore. Lực lượng cộng sản ở Singapore sẽ là "nguy cơ" đối với chính quyền Malaya. Do đó, với Thủ tướng Tunku Abdul Rahman, "cách duy nhất để ông có thể kiểm soát được tình hình là để Singapore sáp nhập vào Liên bang và khi đó việc đối phó với lực lượng cộng sản là chỉ còn là vấn đề an ninh nội bộ của Kuala Lumpur" (18); ngược lại, nếu "giữ Singapore bằng cách ngăn chặn và để lại lòng thương xót đối với những người cộng sản sẽ là một chính sách nguy hiểm" (19) đối với chính quyền Liên bang. Tất nhiên, Thủ tướng Tunku Abdul Rahman cũng nhận thức một thực tế có thể xảy ra, đó là khi sáp nhập Singapore vào Liên bang đồng nghĩa với việc bổ sung 1,3 triệu người Hoa trên bán đảo. Đối với ông, sự hiện diện của người Hoa cũng sẽ là nguy cơ "phá vỡ sự cân bằng chủng tộc ở Liên bang" và "hủy hoại bầu không khí chính trị ổn định" (20) tại đây.

Để có thể thực hiện được "Kế hoạch Đại Malaysia", Thủ tướng Tunku Abdul Rahman cho rằng: cần phải áp dụng quy định tỉ lệ bắt buộc đối với đại diện của Singapore trong Quốc hội Liên bang ít hơn so với các bang khác, chứ không phải căn cứ vào tỉ lệ dân cư để bầu ra đại diện như các bang khác: "Singapore sẽ phải chấp nhận một đại diện với tỷ lệ tương ứng ít hơn ở Quốc hội Liên bang chứ không phải dựa trên cơ cấu tỷ lệ dân số" (21). Điều này "nhằm duy trì quyền lực của chính phủ Liên bang rộng lớn hơn nhiều so với các thành viên khác trong hệ thống Liên bang. Đằng sau các điều kiện cụ thể với

Singapore là nhằm bảo vệ toàn bộ Liên bang không bị ảnh hưởng bởi khả năng thống trị của người Hoa - Điều mà các chính trị gia Umno và người Melayu rất quan tâm" (22). Trong một bài phát biểu trước Quốc Hội Liên bang (16-10-1961) về chủ đề sáp nhập, Thủ tướng Tunku Abdul Rahman giải thích rằng: "Chúng ta không thể không thừa nhận việc hoàn tất sáp nhập Singapore là kế hoạch tuyệt vời có thể đối phó được với những khó khăn của chúng ta"; "Chính phủ Liên bang và Singapore đã cùng nhau thiết lập cơ chế làm việc nhằm nghiên cứu vấn đề này. Điều khoản tham chiếu của nó là để nhìn vào tất cả các khía cạnh của việc sáp nhập bao gồm cả quốc phòng, hành chính, tài chính và kinh tế với quyền hạn rộng cho Singapore mà không ảnh hưởng đến nguyên tắc của chính phủ trung ương mạnh mẽ..." (23). Ông khẳng định, Singapore là một phần của Liên bang và tự trị trong Liên bang, như "đối tác trong một bản sắc" (24), "Singapore có thể phát triển thịnh vượng như New York của Malaysia" (25). Singapore sẽ được coi "như là một nhà nước tự trị có quyền tuyệt đối trong các công việc nội bộ của mình, ngoại trừ các vấn đề quốc phòng, đối ngoại, an ninh nội bộ" (26); "Cơ cấu hành chính tại Singapore sẽ được giữ nguyên và nhà nước sẽ duy trì dịch vụ dân sự của nó" (27). Về vấn đề sử dụng căn cứ quân sự ở Singapore, Tunku Abdul Rahman đề nghị rằng, "các căn cứ của Anh tại Singapore không nên sử dụng cho mục đích của SEATO, nhưng có thể duy trì cho Khối thịnh vượng chung" (28).

Về phía Singapore, Thủ tướng Lý Quang Diệu cũng nhận thức được nguyên nhân sâu xa sự thiếu tin cậy của phía chính quyền Malaya đối với việc sáp nhập Singapore chính là vấn đề người Hoa ở

Singapore: "Họ là những người mới nhập cư và đều có trình độ"; "Trong các báo cáo của chính phủ Malaya đều đề cập đến khả năng người Hoa sẽ luôn luôn trung thành với Trung Quốc và ít có tư tưởng về một dân tộc Malay" (29). Tuy vậy, trước lời kêu gọi của Thủ tướng Tunku Abdul Rahman, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã hoan nghênh gợi ý này và cho rằng, "Logic nghiêm ngặt về địa lý và sức mạnh của các lực lượng lịch sử, dân tộc và kinh tế ắt phải thắng thế" (30). Ông phê phán hậu quả của chính sách thực dân Anh trong quan hệ Singapore - Malaya: "ranh giới giữa Singapore và Liên bang là "một con quái vật" được tạo ra bởi các nhà quy hoạch và sản xuất bản đồ ở Luân Đôn" (31). Trên thực tế, lý do địa lý là điều người ta dễ cảm nhận được, song quan trọng hơn là quan điểm chính trị của các đảng viên trong "Đảng Nhân dân hành động" - PAP. Đa số thành viên trong Đảng PAP đều cho rằng: "thống nhất với bán đảo là tuyệt đối quan trọng đối với sự sống còn của một quốc gia thịnh vượng, không cộng sản". Đây vốn là một chủ đề thường xuyên được trao đổi trong các chương trình nghị sự của Đảng PAP kể từ khi Singapore tuyên bố tách ra khỏi liên bang Malaya năm 1946: sáp nhập trở lại hay là tồn tại độc lập với Malaya?. Trong Đảng PAP, khuynh hướng của những người cộng sản Singapore thì muốn tiếp tục thực hiện quy chế riêng biệt của Singapore, hướng tới xây dựng một "pháo đài cộng sản ở Đông Nam Á". Trong khi đó, đa số còn lại thì đồng tình với việc gia nhập trở lại vào liên bang Malaya. Năm 1959, Bộ trưởng tài chính Singapore đã đưa ra lời đề nghị thành lập một thị trường chung với Liên bang Malaya thông qua việc khởi động "Chương trình hòa hợp với Liên bang". Tuy nhiên, những cuộc đàm thoại sơ bộ diễn ra trong năm 1960 đã bị bỏ lửng bởi sự không thống nhất

giữa hai khuynh hướng trên chưa thống nhất nhất trong nội bộ chính quyền Singapore: "khuynh hướng Malaya" và "khuynh hướng Trung Quốc". Trong điều kiện đó, Singapore khó có thể khởi động được "Chương trình hòa hợp với Liên bang".

Thời điểm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, chính phủ Singapore nhận thức được những khó khăn mà họ đang phải đối mặt. Trước tiên phải kể đến là sự gắn kết hữu cơ về mặt địa lý giữa Singapore với Liên bang Malaya. Tiếp đó, về chính trị, Singapore sẽ khó giành được độc lập thực sự nếu ngay lập tức hoàn toàn độc lập với Liên bang Malaya. Nếu Singapore không sáp nhập với Malaya thì "khó có khả năng người Anh công nhận nền độc lập của Singapore" (32); "độc lập cho Singapore lúc này là một ảo tưởng nguy hiểm, đảo quốc này sẽ tự hủy diệt mình nếu nó từ chối hợp nhất trong Malaysia" (33). Về kinh tế, Singapore đang phải đối mặt với thách thức lớn, đó là tình hình thương mại - ngành kinh tế mũi nhọn của Singapore đang sa sút nghiêm trọng, nhu cầu đầu tư vốn nước ngoài gia tăng. Mặt khác, Liên bang Malaya đang là thị trường tiêu thụ tự nhiên, các dự án xây dựng khu công nghiệp lớn tại Penang, Kuala Lumpur... với những ưu đãi, bảo hộ thuế quan là thách thức đối với nền kinh tế của Singapore. Bộ trưởng Tài chính Goh Keng Swee đã nhìn thấy điều này rất rõ ràng và nhận xét rằng "bất cứ điều gì chúng ta nhằm thay đổi nền kinh tế chỉ có thể có được nếu Singapore và Liên bang tích hợp như là một nền kinh tế", "nếu không có một số hình thức của hội nhập kinh tế hoặc thị trường chung, các nền kinh tế Singapore và Malaya sẽ trực tiếp cạnh tranh với nhau, đặc biệt là trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Singapore với lực lượng công nhân ít hơn, chi phí sản xuất cao hơn đã gây ra bất lợi cho chính nó.

Nhiều công ty ở địa phương như các công ty sản xuất giày dép cao su địa phương đã chuyển ra ngoài vì chi phí ở đó rẻ hơn ở Singapore" (34). Về xã hội, nạn nhập cư ồ ạt, đặc biệt là người Hoa đang làm cho vùng đất nhỏ bé này ngày càng đông dân hơn; tình trạng thất nghiệp gia tăng.

Nếu gia nhập Liên bang Malaysia, Singapore sẽ giải quyết được khó khăn trên. Đặc biệt, trong lĩnh vực kinh tế, Singapore hy vọng sẽ thiết lập được một thị trường chung với Liên bang, khôi phục lại nền kinh tế bị đình trệ sau chiến tranh, thu hút các luồng vốn đầu tư từ bên ngoài. Nền kinh tế của Singapore sẽ không bị mất chủ động khi gia nhập một thị trường chung trong Liên bang. Thực tế, nếu so sánh với Liên bang Malaya, thu nhập của Liên bang Malaya trước và sau khi độc lập chủ yếu là phụ thuộc vào thuế hải quan và nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, trong khi đó thu nhập của bang Singapore lại là từ việc thực hiện chính sách thương mại tự do và tự do hóa cảng biển. Vì vậy, khi sáp nhập, Singapore vẫn đảm bảo được sự độc lập trong các chính sách kinh tế của mình đối với Liên bang. Về chính trị, nếu không gia nhập Liên bang thì khó có khả năng Singapore giành được độc lập.

Như vậy, chương trình "hòa hợp" đến lúc này không phải là "có thể" nữa mà thực sự đã trở nên cần thiết đối với Singapore. Trong cuộc trưng cầu dân ý tổ chức ở Singapore vào tháng 9-1961, có tới 90% cử tri đi bỏ phiếu, 71% trong số phiếu được trưng cầu đã tán thành chủ trương gia nhập Liên bang Malaya.

Ngày 16-11-1961, tại Kuala Lumpur và Singapore, trước sự chứng kiến của chính quyền Anh, các chính phủ đã công bố đạt được các thỏa thuận "hòa hợp" như sau: Sau khi sáp nhập, chính phủ trung ương sẽ đảm nhận các vấn đề đối ngoại, quốc phòng

và an ninh nội bộ. Singapore vẫn sẽ đảm nhận các vấn đề thuộc tài chính, nhân lực và giáo dục. Singapore vẫn là hải cảng tự do, có chính phủ, cơ quan lập pháp và người đứng đầu nhà nước riêng. Singapore được chỉ định 2 nghị sĩ vào Thượng viện và 15 nghị sĩ vào Hạ viện. Công dân của Singapore vẫn giữ nguyên tất cả mọi quyền chính trị của mình; các quyền lợi về giáo dục, luật pháp, chính sách cư trú, thuế thu của Liên bang được áp dụng bình đẳng. Về vấn đề căn cứ quân sự, chính phủ Singapore đã đạt được thỏa thuận với Malaya: các căn cứ quân sự tại đây vẫn sẽ do Anh kiểm soát để "bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á". Như vậy, sự hiện diện của người Anh tại Singapore vẫn được đảm bảo cho Singapore khai thác dịch vụ kinh tế, giải quyết nạn thất nghiệp và cũng là để đảm bảo an ninh cho Singapore.

Ngày 9-7-1963, đại diện Liên bang Malaya, Singapore, Sabah, Sarawak và chính phủ Anh đã ký kết được thỏa thuận về việc thành lập một quốc gia mới là Liên bang

Malaysia, theo thỏa thuận, việc tuyên bố thành lập nhà nước mới dự định sẽ được tiến hành ngày 31-8-1963. Tuy nhiên, do bất đồng với các quốc gia láng giềng về vấn đề tranh chấp lãnh thổ vùng Bắc Borneo đã làm chậm dự định tuyên bố độc lập của Liên bang Malaysia. Ngày 16-9-1963, trước sự chứng kiến của Liên Hợp Quốc và đại diện chính quyền Anh, chính phủ Malaysia tuyên bố chính thức thành lập "Liên bang Malaysia".

Như vậy, mục tiêu "toàn vẹn lãnh thổ" của chính quyền Malaya về cơ bản đã thành công (ngoại trừ sự va vấp trong quan hệ với các nước láng giềng liên quan đến việc sáp nhập vùng lãnh thổ Bắc Borneo). Liên bang Malaysia được thành lập với cơ cấu tổ chức hành chính 14 bang thống nhất. Các bang này đa dạng về các dân tộc, sắc tộc, không thuần nhất về thể chế chính trị và khác biệt sâu sắc về trình độ kinh tế - xã hội. Đây vừa là thuận lợi và cũng vừa là thách thức đối với chính quyền Liên bang Malaysia trong sự nghiệp củng cố nền độc lập dân tộc sau này.

CHÚ THÍCH

- (1). Tên của Liên bang Malaysia trước năm 1963.
- (2). Bao gồm: Johor, Selangor, Negeri-Sembilan, Perak, Pahang, Perlis, Kedah, Terengganu và Kelantan, Penang, Malacca.
- (3). Regina Lim. *Federal - State Relations in Sabah, Malaysia*, Institute of SouthEast Asian Studies, Singapore, 2008, p.41.
- (4). Tan Tai Yong. *Creating "Greater Malaysia": Decolonization and the Politics of Merger*, Singapore: ISEAS, 2008, p.152.
- (5). (8), (9), (11), (13), (14), (18), (19), (20), (21), (22). Tan Tai Yong, sđd, tr. 158, 154, 152, 68, 151-152, 71, 67, 31, 68-69, 68, 68.

- (6). (7), (10), (12), (15), (16), (17). Regina Lim, sđd, p. 41, 5, 44, 45, 44, 45, 43.
- (23). Tai. Tai Yong, sđd, p.69 (Tunku's Speech in Parliament, 16 October 1961).
- (24), (25), (26), (27), (28). Tan Tai Yong, sđd, p. 70, 193, 68, 68, 68-69.
- (29). Lee Kuan Yew. *The Singapore Story: Memoirs of Lee Kuan Yew*, Singapore: Federal Publications, 2000, p. 362
- (30). D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 1255.
- (31), (32), (33), (34). Tan Tai Yong sđd, p. 37, 40, 37, 37-38.